TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2018
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Báu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vàng Huy Lập;

2. Ông Nguyễn Ước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tài – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 602/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/9/2018 về việc tranh chấp "Xin ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị Đ**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Đường P, Phường B, thành phố Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thanh Vũ – Văn phòng Luật sư Quốc Thu, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn*: Ông **Phạm N**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Đường H, Phường E, thành phố Đ.

(bà Đ, Luật sư Vũ có mặt; ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông Phạm N kết hôn năm 1972, tại Ủy ban hành chánh xã V, quận V, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã V, huyện P, tỉnh Thừa

Thiên Huế). Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, sau khi kết hôn vợ chồng sống ở nhà trọ tại số: đường H, Phường E, thành phố Đ. Năm 1987 ông Phạm N đã bỏ đi khỏi địa phương và đi đâu không rõ. Năm 1998 bà Đ chuyển về sống tại địa: Đường P, Phường B, thành phố Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, ông N đã đánh đập bà Đ nhiều lần. Năm 1985 bà Đ có làm đơn xin ly hôn ông Phạm N, thời điểm đó ông N cũng đồng ý ly hôn và Tòa án nhân dân thành phố Đ đã xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đ và ông N. Sau đó là ông N kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xử bác đơn ly hôn của bà Đ. Đến năm 1987 ông N đã bỏ nhà ra đi, và đi đâu không rõ. Bà Đ đã nhiều lần tìm kiếm nhưng vẫn không có tung tích. Khoảng đầu năm 2018 thì bà Đ làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với ông Phạm N. Đến ngày 10/8/2018 thì Tòa án nhân dân thành phố Đ đã ra quyết định số 15/2018/QĐDS-ST tuyên bố ông Phạm N mất tích. Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Đ được ly hôn với ông Phạm N.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là anh Phạm Quốc L, sinh ngày 10/4/1974; anh Phạm Quốc H, sinh ngày 01/10/1975; chị Phạm Thị Xuân T1, sinh ngày 12/01/1983; anh Phạm Quốc T2, sinh ngày: 15/3/1988. Hiện nay các con đã trưởng thành nên bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân thành phố Đ đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bị đơn là ông Phạm N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Theo lời trình bày tại phiên tòa của Luật sư Nguyễn Thanh Vũ là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thì: Do ông Phạm N đã mất tích nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Đ xin ly hôn ông Phạm N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; riêng đối với bị đơn đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt; về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung do các con chung đã trưởng thành và về tài sản chung, nợ chung bà Đ xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Lê Thị Đ có mặt; Bị đơn là ông Phạm N vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông N do Tòa án nhân dân thành phố Đ tuyên bố mất tích nên Tòa án Đ đã làm đầy đủ các thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật; căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Trên cơ sở trích lục chứng thư, hôn thú của Ủy ban hành chánh xã V, V tỉnh Thừa Thiên Huế thì ông Phạm N và bà Lê Thị Đ có kết hôn vào ngày 16 tháng 12 năm 1972. Ngày 10/8/2018 Tòa án nhân dân thành phố Đ đã ra quyết định số 15/2018/QĐDS-ST, tuyên bố ông Phạm N mất tích, nơi cư trú cuối cùng của ông Phạm N là tại: Đường H, Phường E, thành phố Đ nên bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông N, đây là quan hệ tranh chấp "Xin ly hôn" theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đ cho rằng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, ông N đã đánh đập bà Đ nhiều lần. Sau đó ông N đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 1987 không có tin tức gì, bà Đ đã tìm mọi cách để tìm kiếm, liêc lạc khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức.

Bà Đ đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ tuyên bố ông Phạm N mất tích và đến ngày 10/8/2018 thì Tòa án nhân dân thành phố Đ đã ra quyết định số 15/2018/QĐDS-ST tuyên bố ông Phạm N mất tích. Quyết định đã có hiệu lực pháp luật và cho đến nay cũng vẫn không có tin tức gì đối với ông N. Vì vậy bà Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn ông N là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có 04 con chung là anh Phạm Quốc L, sinh ngày 10/4/1974; anh Phạm Quốc H, sinh ngày 01/10/1975; chị Phạm Thị Xuân T1, sinh ngày 12/01/1983; anh Phạm Quốc T2, sinh ngày: 15/3/1988. Do các con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Đ xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung, còn ông N không có ý kiến nên không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí:* Bà Đ phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên miễn án phí cho bà Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ về việc "Xin ly hôn" ông Phạm N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Đ và ông Phạm N được ly hôn.

2. Về án phí: Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà Đ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án (hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đ;
- Chi cục THADS Tp Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Bộ phận Dân sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Báu